

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVNMIIDCAP/ Fund name: DCVFMVNMIIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 24-07-2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	1,385,635,000	98.99%
1	BMP	100	1.03%
2	BSI	100	0.33%
3	BWE	100	0.34%
4	CII	1,000	1.14%
5	CMG	200	0.61%
6	CTD	100	0.61%
7	CTR	100	0.71%
8	DBC	500	1.23%
9	DCM	300	0.77%
10	DGC	500	3.78%
11	DGW	300	1.03%
12	DIG	1,100	1.60%
13	DPM	400	1.19%
14	DSE	300	0.56%
15	DXG	1,900	2.62%
16	EIB	3,300	6.35%
17	EVF	1,600	1.50%
18	FRT	300	3.38%
19	FTS	400	1.17%
20	GEX	1,500	5.24%
21	GMD	800	3.30%
22	HAG	1,000	1.04%
23	HCM	1,000	1.81%
24	HDC	300	0.69%
25	HDG	400	0.80%
26	HHV	800	0.75%
27	HSG	1,100	1.49%
28	KBC	1,100	2.24%
29	KDC	300	1.19%
30	KDH	1,400	2.85%
31	MSB	4,900	4.76%
32	NAB	3,100	3.32%
33	NKG	800	0.85%
34	NLG	600	1.71%
35	NT2	200	0.29%
36	OCB	3,100	2.71%
37	PAN	300	0.70%
38	PC1	600	1.05%
39	PDR	900	1.30%
40	PHR	100	0.46%
41	PNJ	600	3.69%
42	POW	1,200	1.20%
43	PTB	100	0.39%
44	PVD	600	0.90%
45	PVT	500	0.65%
46	REE	300	1.49%
47	SBT	1,000	1.61%
48	SCS	100	0.48%
49	SIP	200	0.91%
50	SJS	200	2.00%
51	SZC	200	0.54%
52	TCH	800	1.43%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
53	VCG	800	1.39%
54	VCI	900	2.67%
55	VGC	100	0.35%
56	VHC	200	0.82%
57	VIX	3,000	4.64%
58	VND	2,400	3.35%
59	VPI	300	1.14%
60	VTP	100	0.86%
II.	Tiền/ Cash (VND)	14,161,671	1.01%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,399,796,671	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)	1,385,635,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	1,399,796,671
+ Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	14,161,671

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
HCM	27,885	HSC	Cổ phiếu Quý chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	35,750	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	45,760	VCSC	Cổ phiếu Quý chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
OCB	13,475	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	94,600	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	76,230	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 24-07-2025	Kỳ trước/Last period (**) 23-07-2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,700,000	28,700,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	13,700	13,690	10
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	401,741,644,693	396,350,480,106	5,391,164,587
của một lô ETF/per Creation Unit	1,399,796,671	1,381,012,125	18,784,546
của một chứng chỉ quỹ/per Share	13,997.96	13,810.12	187.84
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	2,265.41	2,242.86	22.55

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 23/07/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 23/07/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 22/07/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 22/07/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM



LÊ HOÀNG ANH

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 25/07/2025